

ĐẠI HỘI VI (12/1986) - NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỊNH HÌNH CHO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN CỦA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Tóm tắt: Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất, chúng ta có tư tưởng chủ quan, nóng vội muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn. Nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã dẫn tới đất nước dần dần lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Thực tiễn ấy đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải tìm mọi cách để ngăn chặn sự suy thoái của nền kinh tế và từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng. Công cuộc đổi mới do Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) đề ra là yêu cầu tất yếu khách quan của cuộc sống, là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại. Đổi mới là vấn đề có tầm quan trọng sống còn. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nền kinh tế nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại⁽¹⁾.

Từ khóa: Đổi mới toàn diện; Đại hội VI.

I. Phương châm "Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" mang ý nghĩa lớn của Đại hội VI

Tháng 12-1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội lần thứ VI trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước ở giai đoạn khủng hoảng trầm trọng nhất. Trên tinh thần trách nhiệm của đảng cầm quyền với vận mệnh của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, ngay trong phần mở đầu: "Tình hình và nhiệm vụ" của Báo cáo Chính trị, Đảng ta đã xác định: "Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là nhìn

thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"⁽²⁾. Đại hội đánh giá trong nhiệm kỳ Đại hội V đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Những thành tựu đó đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên. Đại hội đã nghiêm khắc chỉ ra tính chất nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đồng thời xác định nguyên nhân chủ quan của tình hình trên là những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương khóa V tự phê bình nghiêm túc trước Đại hội: "Những sai

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

1 - ĐCSVN: Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 47, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 271.

2 - ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 12.

lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng⁽³⁾. “Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện⁽⁴⁾” và “Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh, vừa hữu khuynh*”⁽⁵⁾. “Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”⁽⁶⁾.

Những đánh giá trên thể hiện thái độ nghiêm khắc của Đảng khi nhìn thẳng vào hiện thực kinh tế - xã hội của đất nước cũng như những sai lầm trong điều hành, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Với một đảng có bề dày truyền thống và thành tựu như Đảng Cộng sản Việt Nam, những đánh giá trên đã thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng, trách nhiệm chính trị của Đảng đối với đất nước và nhân dân. “Nhìn thẳng sự thật, nói rõ sự thật...” đã được thực thi trước tiên trong nội bộ Đảng.

Sự thẳng thắn, nghiêm túc và đầy tâm huyết đó của Đảng tại Đại hội VI là mạch nguồn tạo nên những giá trị lịch sử của Đại hội trong tiến trình đổi mới. Đây còn là bài học kinh nghiệm có ý nghĩa quan trọng cho Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là đảng cầm quyền trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ có nhìn thẳng sự thật, nói rõ sự thật, công tâm trong đánh giá tình hình, tránh những biểu hiện phô trương thành tích, giấu giếm khuyết điểm... thì Đảng mới thực sự tỏa sáng về tư duy và trí tuệ trong xây dựng cũng như chỉ đạo đưa đường lối vào thực tiễn.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng thể hiện bước ngoặt trong đổi mới tư duy lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Xuất phát từ thực tiễn, Đại hội VI đã xác định rõ mục tiêu đổi mới toàn diện trong đó xác định *đổi mới tư duy là mặt trận hàng đầu*. Đổi mới tư duy trước tiên là tư duy về mô hình và bước đi của CNXH. Về mô hình CNXH cần điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, không giáo điều, nóng vội. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm được rút ra sau 10 năm lãnh đạo đưa đất nước quá độ lên CNXH, Đại hội đã nhận thức sâu sắc đặc điểm bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là rất lâu dài và khó khăn, trong đó “*Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn*”⁽⁷⁾. Gắn với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ bao trùm của những năm còn lại của “*chặng đường đầu tiên*” là: “*ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề*

3 - ĐCSVN: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 362.

4 - ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 26.

5 - ĐCSVN: *Sđđ*, tr. 26.

6 - ĐCSVN: *Sđđ*, tr. 27.

7 - ĐCSVN: *Sđđ*, tr. 41.

cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"⁽⁸⁾. Công cuộc đổi mới toàn diện được bắt đầu từ những đổi mới nhận thức cải tạo xã hội chủ nghĩa, cơ chế quản lý kinh tế, công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản, đổi mới chính sách xã hội...

Trước hết là đổi mới chủ trương, chính sách kinh tế. Từ đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, nhận thức rõ hơn về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ, Đại hội VI chủ trương thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế trong hoàn cảnh mới. Chính sách đó vừa phù hợp với thực tiễn của nước ta, vừa là sự vận dụng quan điểm của Lênin khi coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Các thành phần kinh tế đó là: Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể; kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên tự túc tự cấp của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao. "Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây

dựng cơ cấu kinh tế hợp lý"⁽⁹⁾. Đó cũng chính là sự nhận thức rõ hơn quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có bước đi và hình thức thích hợp.

Cùng với đổi mới cơ cấu kinh tế, Đại hội VI chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Báo cáo Chính trị do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội lần thứ VI của Đảng đã khẳng định: Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế phải gắn liền với việc bố trí lại cơ cấu kinh tế. Hai mặt này liên quan chặt chẽ với nhau, vừa thúc đẩy, vừa ràng buộc lẫn nhau và đều phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa⁽¹⁰⁾. *Mấy thập kỷ liên chúng ta đã kéo dài quá lâu sự tồn tại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Ngay trong diễn đàn của Đại hội VI đã chỉ rõ cơ chế đó không tạo được động lực phát triển sản xuất, kìm hãm kinh tế phát triển, đẻ ra bộ máy quản lý công kênh, kém năng động. Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chủ quan, duy ý chí. Đại hội VI xác định phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Cơ chế mới vừa chú trọng tính kế hoạch vừa đòi hỏi phải sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, phải xuất phát từ thị trường. Mọi hoạt động kinh tế phải tính đến hiệu quả, phải thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nền*

8 - ĐCSVN: *Sđđ*, tr. 42.

9 - ĐCSVN: *Sđđ*, tr. 56.

10 - Xem: GS.Trần Nhâm: *Trường Chinh - Một tư duy sáng tạo, một tài năng kiệt xuất*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

kinh tế phải được quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu. Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, phải sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh trong tình hình mới.

Đại hội chủ trương *mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại*. Chủ trương này cụ thể hóa nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - nguyên tắc cơ bản trong đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. "Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại"⁽¹¹⁾. Chương trình hàng xuất khẩu cùng với chương trình sản xuất lương thực - thực phẩm và chương trình sản xuất hàng tiêu dùng là 3 chương trình kinh tế lớn mà Đại hội VI đề ra.

Cùng với việc đổi mới tư duy kinh tế, Đại hội lần thứ VI của Đảng cũng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng *trong nhận thức về chính sách xã hội*, đặt đúng tâm vấn đề xã hội - vấn đề đối với con người trong mối quan hệ với kinh tế. Đại hội khẳng định: "Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách

kinh tế và chính sách xã hội"⁽¹²⁾. Vì vậy, cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

Trên cơ sở nhận định vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại ngày nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới, Đại hội VI xác định *mục tiêu hàng đầu của chính sách đối ngoại là hòa bình và phát triển*. Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, bên cạnh việc phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại âm mưu phá hoại của địch, "Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác"⁽¹³⁾. Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại, Đại hội đã xác định 6 chính sách lớn và những chính sách này về cơ bản vẫn được hoạch định trên cơ sở ý thức hệ của thời kỳ đối đầu Đông - Tây. Tuy nhiên, những trọng điểm đối ngoại cụ thể được xác định trong Văn kiện Đại hội đã phản ánh rõ nét sự chuyển hướng quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới.

3. Đại hội VI đã định hình những tư tưởng đổi mới quan trọng về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là xây dựng đạo đức, tác phong cho cán bộ, đảng viên

11 - ĐCSVN: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 415.

12 - ĐCSVN: *Sđd*, tập 47, tr. 420.

13 - ĐCSVN: *Sđd*, tập 47, tr. 433.

Về quản lý nhà nước, Đại hội VI chủ trương đề cao *chức năng xã hội* của Nhà nước thay vì tuyệt đối hóa chức giai cấp của nền chuyên chính vô sản trước đây. Quá trình đổi mới công tác quản lý của Nhà nước phải được tiến hành theo nguyên lý cơ bản: “Tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên thực tế là một thể thống nhất. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân và vì dân, có thật sự do dân mới thật sự vì dân một cách đầy đủ”⁽¹⁴⁾. Đảng cũng khẳng định, có thực hiện nghiêm túc và bền vững nguyên lý này mới đảm bảo cho mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Trong mục tiêu nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng thời kỳ mới, Đại hội VI đã nhấn mạnh tới việc cần tập trung đổi mới phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Đấy mạnh tự phê bình và phê bình được xác định là thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng với nhân dân. Để đảm bảo bản chất cách mạng của Đảng chân chính, nguyên tắc của tự phê bình là phê bình trong sinh hoạt Đảng được xác định là: “Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thói phớt thành tích, lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình”, đặc biệt “Không được coi tự phê bình và phê bình là một dịp dả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ,

cùng cố sự đoàn kết nhất trí”⁽¹⁵⁾.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên với quá trình hình thành và phát triển đường lối đất nước, tại Đại hội VI, Đảng ta đã chú trọng định hướng công tác sửa đổi phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên theo hướng khắc phục các biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh hành chính và hướng tới “đi sâu, đi sát thực tế”. Phong cách của cán bộ lãnh đạo, quản lý được cụ thể hóa theo hướng: “Cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở, gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể. Đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm, và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ”⁽¹⁶⁾.

4. Đại hội VI đã định hình 4 bài học kinh nghiệm có ý nghĩa chỉ đạo cho công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta

Với sự trải nghiệm sâu sắc từ quá trình lãnh đạo đất nước, đặc biệt là những năm đầu sau giải phóng, tại Đại hội VI, Đảng ta đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Xuất phát từ những kinh nghiệm thực tiễn lịch sử của dân tộc, xuất phát từ những giá trị đúc kết tư tưởng dân là gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta khẳng định lấy dân làm gốc là bài học kinh nghiệm hàng đầu, là cơ sở cho việc hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của

14 - ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 123.

15 - ĐCSVN: *Sđd*, tr. 137.

16 - ĐCSVN: *Sđd*, tr. 137.

đất nước. Mối quan tâm hàng đầu trong việc thắt chặt quan hệ giữa Đảng và dân là đáp ứng những lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, quan tâm đến lợi ích toàn diện của mỗi người dân, từ đó lôi cuốn mọi người vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Như Báo cáo Chính trị đã nêu là tạo ra phong trào cách mạng rộng lớn, sôi nổi của nhân dân lao động, tự nguyện, hăng hái phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng cần nghiên cứu và ban hành các chính sách kinh tế, xã hội, đáp ứng được lợi ích thiết thân của nhân dân, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, nhất là nguyện vọng về dân sinh, dân chủ, dân trí. Đảng phải nghiêm khắc tự phê bình và kiên quyết sửa chữa khi đã thấy chính sách sai, mất lòng dân, đồng thời kiên quyết ngăn chặn khi thấy chính sách bị vi phạm. Bài học: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” trước đây rất quan trọng, bây giờ càng quan trọng, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta⁽¹⁷⁾.

Hai là, Đảng phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đây là sự vận dụng đúng đắn nguyên tắc khách quan, thừa nhận vai trò quyết định của vật chất và các quy luật khách quan vốn có của nó trong việc đề ra các chế định, chủ trương, chính sách vào thực tế của công cuộc xây dựng đất nước từ sau Đại hội Đảng lần VI. Trước đó đã có sự nhận thức không đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, dẫn tới cải tạo xã hội chủ nghĩa nóng vội, hình thức và quan hệ sản xuất mới không phát huy được hiệu quả. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội

kéo dài hơn một thập kỷ qua, một phần là do duy trì cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại quá lâu nhưng nguyên nhân chủ yếu là do ta đã vi phạm nghiêm trọng quy luật phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, là quy luật phổ biến của mọi hình thái kinh tế - xã hội và cũng tác động trực tiếp vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn. Trên thực tế, không một quốc gia, dân tộc nào có thể phát triển được mà lại tách biệt, cô lập với thế giới. Mở cửa, hội nhập, chủ động gia nhập vào quá trình toàn cầu hoá, đó chính là đòi hỏi của toàn cầu hoá, nhưng cũng chính là điều kiện thuận lợi để kết hợp và phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong phát triển. Nhận thức đúng và đánh giá khách quan những tác động, ảnh hưởng của các yếu tố quốc tế đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam để hiểu rõ, đổi mới là sự đón nhận thời cơ, cũng đồng thời là chấp nhận những thách thức để phát triển. Nắm được tinh tất yếu và cơ hội đó, Đảng ta luôn coi việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp là một trong những yêu cầu, một trong những bài học kinh nghiệm lớn trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. (xem tiếp trang 83)

17 - ĐCSVN: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 138.

tổ chức, quản lý của chính quyền, tích cực, chủ động, tự giác xây dựng giai cấp công nhân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh, từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. ■

Tài liệu tham khảo:

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Báo cáo Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ninh khóa XII.
3. Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2018 - 2023).

ĐẠI HỘI VI (12/1986) - NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỊNH HÌNH... (tiếp trang 77)

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm cho Đảng ta làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, vấn đề cấp bách là tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Báo cáo Chính trị của Đại hội VI nhấn mạnh: *Đảng phải tự đổi mới và chính đôn bản thân mình*. Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới ở nước ta, nhưng sẽ bị lạc hậu nếu Đảng bị trì trệ trên nhiều mặt, không ngang tầm với nhiệm vụ mới. Nếu không tự đổi mới, Đảng không thể lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Đổi mới bản thân nghĩa là khắc phục sai lầm, khuyết điểm, giữ vững và tăng cường mối quan hệ gần bó máu thịt với nhân dân, vững vàng trước thử thách, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên phía trước. Đây là bài học của mọi bài học - bài học của lịch sử, bài học của hiện tại và bài học của tương lai. Bài học tuy không mới nhưng được nêu ở thời điểm bước ngoặt lịch sử, càng làm cho bài học về đổi mới và chính đôn Đảng thêm sâu sắc và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Như vậy, có thể nói đường lối của Đại hội VI đã xác định bước đầu những nội dung đổi mới con đường đi lên chủ nghĩa xã hội theo phương thức “quá độ gián tiếp”. Ý nghĩa và tầm vóc lịch sử của cuộc chuyển hướng chiến lược tại Đại hội VI, năm 1986, chính là nó mang lại những cải biến cách mạng sâu sắc và triệt để, từ quan niệm, tư duy đến hoạt động thực tiễn, làm thay đổi căn bản phương thức lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý xã hội của Nhà nước. Triết lý sâu sắc của cuộc chuyển hướng chiến lược lần này là tư tưởng giải phóng: đổi mới để giải phóng. Đó là quá trình giải phóng tinh thần, phát huy tự do, tư tưởng, thực hiện dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội. Đại hội VI của Đảng đánh dấu một bước ngoặt rất cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, với việc đề ra *đường lối đổi mới toàn diện đất nước* - từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức, cán bộ và phong cách lãnh đạo của Đảng; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới hệ thống chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đại hội VI đặt nền móng và mở đầu cho những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua. ■